

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2020

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Trang;

2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Diên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2020 về *Tranh chấp ly hôn, nuôi con* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu C, sinh năm 1985; cư trú tại: Khu phố X, thị trấn A, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1987; cư trú tại: Khu phố Z, thị trấn A, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/4/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Thu C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh, chị bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên không hạnh phúc. Giữa chị và anh Th không còn tình cảm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 12/8/2007, ly hôn chị đồng ý giao cháu Kh cho anh Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Thu C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Anh và chị C chung sống vợ chồng từ năm 2006, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa anh và chị C có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị C có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 12/8/2007, ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Kh, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Thu C và anh Nguyễn Văn Th có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, 14, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Không công nhận chị Bùi Thị Thu C và anh Nguyễn Văn Th là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 12/8/2007 cho anh Th nuôi dưỡng, ghi nhận anh Th không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị Thu C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Thu C và anh Nguyễn Văn Th có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh Th.

[2] Chị Bùi Thị Thu C và anh Nguyễn Văn Th chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2006, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chị C và anh Th không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Th không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị Thu C và anh Nguyễn Văn Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 12/8/2007. Chị C và anh Th thống nhất giao cháu Kh cho anh Nguyễn Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cháu Kh cũng có nguyện vọng sống với anh Th nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ghi nhận anh Th không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Thu C và anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Thu C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận chị Bùi Thị Thu C và anh Nguyễn Văn Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 12/8/2007 cho anh Nguyễn Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu chị Bùi Thị Thu C cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị Thu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh Nguyễn Văn Th cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Chị Bùi Thị Thu C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Thu C và anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thu C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007238 ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Bùi Thị Thu C đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Thu C và anh Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKSND huyện Tân Biên;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Nguyên